

Số: 1204 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 12 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ
phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 01/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Quỹ Hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh tại Công văn số 10/QHTPTHX ngày 19/9/2016 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 440/TTr-SNV ngày 21/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: + CVP, các PCVP,
+ Phòng TH, KT;
- Lưu: VT, TH3 *lưu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 01/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có tên giao dịch tiếng Anh là: Kon Tum Cooperative Assistance Fund, tên viết tắt bằng tiếng Anh là KTCAF.

4. Trụ sở của Quỹ đặt tại: Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Mục đích hoạt động

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hỗ trợ các hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn và tự bù đắp chi phí hoạt động quản lý Quỹ.

Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định hiện hành.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn do ngân sách tỉnh cấp.
2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đóng góp của các thành viên là Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
3. Tiếp nhận, quản lý nguồn tài chính từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Nhà nước và pháp luật để hỗ trợ và cho vay đầu tư, vay phát triển sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh với lãi suất ưu đãi.
4. Quản lý vốn, tài sản; điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của Nhà nước và pháp luật.
5. Bảo toàn vốn được giao, vốn góp, vốn hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, không ngừng tích lũy vốn để phát triển.
6. Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã (khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
7. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước, của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ.
8. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát quá trình sử dụng và trả nợ vốn vay của khách hàng; các quy chế hoạt động của Quỹ.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Được tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ.
2. Thẩm định, kiểm tra lựa chọn các dự án, phương án cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ.
3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất từ nguồn của Quỹ.

4. Được yêu cầu các Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã cung cấp các tài liệu, giấy tờ, hồ sơ liên quan để xét cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất theo quy định của Điều lệ Quỹ. Từ chối cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất nếu xét thấy việc sử dụng vốn không mang lại hiệu quả, rủi ro cao, khả năng thu hồi vốn thấp.

5. Có quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ, vay từ Quỹ của Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã để đảm bảo sử dụng nguồn vốn vay, hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Có quyền đình chỉ việc hỗ trợ, cho vay hoặc thu hồi vốn trước hạn, khi phát hiện Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm hợp đồng; phát mãi tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

7. Có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nếu những yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ.

8. Được quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ, theo quy định của pháp luật.

9. Được tổ chức nghiên cứu, học tập, khảo sát các mô hình Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tiên tiến trong nước.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 6. Các hoạt động của Quỹ

1. Cho vay ưu đãi; bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất.
2. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.
3. Nhận ủy thác cho vay.
4. Huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tiếp nhận các nguồn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, các chương trình, dự án để phục vụ cho hoạt động và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã.

5. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhưng không được đầu tư chứng khoán hoặc góp vốn dưới hình thức kinh doanh chứng khoán.

6. Tổ chức các hoạt động quản lý vốn, tài sản của Quỹ.

Điều 7. Hoạt động cho vay ưu đãi, gồm: Cho vay đầu tư, vay sản xuất kinh doanh

1. Đối tượng được cho vay là các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, có trụ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum có nhu cầu vay vốn; có dự án đầu tư khả thi để đổi mới phát triển sản xuất, đổi mới phát triển công nghệ kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình Hợp tác xã mới, Liên hiệp Hợp tác xã mới, mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến. Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét có thể quy định danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ.

2. Điều kiện vay vốn, hồ sơ, thủ tục, quy trình vay vốn, thời hạn cho vay, thu hồi vốn vay, cho vay lại, gia hạn nợ, khoan nợ và xử lý nợ quá hạn thực hiện theo Quy định cho vay của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Mức vốn cho vay đối với từng phương án cụ thể do Giám đốc Quỹ xem xét, trình Hội đồng quản lý quỹ quyết định. Mức cho vay tối đa không quá 70% của phương án và tối đa không quá 500 triệu đồng/khách hàng đồng thời phải đảm bảo phù hợp với năng lực vốn của Quỹ.

4. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay dự án đầu tư vận dụng theo lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam);

b) Lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh vận dụng theo lãi suất cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ của Ngân hàng chính sách xã hội theo từng thời điểm;

c) Hội đồng quản lý quỹ quy định lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn cụ thể theo từng loại phương án vay đảm bảo nguyên tắc cho vay ưu đãi.

5. Thời hạn cho vay của từng phương án cụ thể do Giám đốc Quỹ xem xét, trình Hội đồng quản lý quỹ trước khi quyết định, nhưng không vượt quá 5 năm.

6. Bảo đảm tiền vay:

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các hình thức đảm bảo tiền vay đối với từng phương án, bao gồm: cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tín chấp và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

b. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

7. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Đối với những phương án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: Gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ (bao gồm xóa nợ gốc và nợ lãi);

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc gia hạn nợ, khoan nợ; thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời gian trả nợ ghi trong hợp đồng lần đầu; thời hạn khoan nợ tối đa là 2 năm.

- Trong thời hạn khoan nợ đối tượng vay không phải trả lãi phát sinh. Hết thời hạn khoan nợ, gia hạn nợ, đối tượng vay có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc đã được khoan nợ, gia hạn nợ.

- Hết thời hạn khoan nợ, gia hạn nợ nếu chủ dự án có tình chây ỳ không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý nợ theo quy định của pháp luật;

b. Việc xóa nợ lãi, xóa nợ gốc trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Hình thức này áp dụng cho các trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7 của Điều lệ này.

Điều 8. Hoạt động hỗ trợ

1. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc là các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ, có phương án hoạt động khả thi để đầu tư đổi mới phát triển sản phẩm; sản xuất kinh doanh; phát triển công nghệ kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình Hợp tác xã mới, Liên hiệp Hợp tác xã mới, mô hình Hợp tác xã điển hình tiên tiến.

2. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ, thời gian thu hồi vốn thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành hoặc theo quy định từ nguồn hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng phương án, nhưng bảo đảm mức tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện đối với một phương án và đảm bảo phù hợp với năng lực của quỹ.

4. Thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ của phương án do Giám đốc Quỹ đề nghị, Hội đồng quản lý quỹ quyết định đối với từng phương án, nhưng tối đa không quá 02 năm.

5. Để bù đắp chi phí, Quỹ được thu phí quản lý khi thực hiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các phương án xin hỗ trợ của các Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã. Mức phí quản lý bằng mức phí ứng vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính/năm số vốn hỗ trợ có hoàn lại.

6. Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức khoan nợ, xóa nợ:

a) Việc khoan nợ do Hội đồng quản lý quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc bên cung ứng nguồn xem xét, quyết định;

- Thời hạn khoan nợ tối đa là 02 năm. Trong thời hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh nhưng có trách nhiệm hoàn trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoan nợ;

- Hết thời hạn khoan nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình chây ỳ không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra tòa án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật;

b) Việc xóa nợ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 7 của Điều lệ này.

Điều 9. Hoạt động hỗ trợ lãi xuất và bảo lãnh tín dụng

Thực hiện khi có hướng dẫn của Trung ương và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Nhận ủy thác, viện trợ, tài trợ

1. Quỹ được nhận ủy thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

2. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác.

3. Quỹ được tiếp nhận quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã theo mục đích, yêu cầu của nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật của Việt Nam.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc tiếp nhận, ủy thác, nhận viện trợ, tài trợ và quyết định việc giải ngân từng dự án theo yêu cầu quy định của bên ủy thác, viện trợ, tài trợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 11. Vốn hoạt động quỹ gồm:

1. Vốn điều lệ:

- Khi thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã là 5.000 triệu đồng (năm tỷ đồng) do ngân sách tỉnh cấp.

- Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Sở Tài chính.

2. Vốn được hình thành từ các nguồn khác

a) Các khoản đóng góp tự nguyện của Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã;

b) Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

c) Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, Trung ương, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã;

đ) Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã;

e) Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật;

g) Vốn đầu tư phát triển phục vụ cho các hoạt động của quỹ được hình thành trong quá trình hoạt động của quỹ không vượt quá 10% vốn chủ sở hữu hiện có của Quỹ. Việc đầu tư, mua sắm tài sản cố định của Quỹ được thực hiện theo quy định đối với tổ chức tài chính Nhà nước và báo cáo Sở Tài chính theo quý. Hằng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã phải xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt và thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động quy định tại Quyết định thành lập.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ: Gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Ban Điều hành Quỹ.

2. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; thành viên là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Kon Tum và Giám đốc Quỹ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Xem xét, thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, kế hoạch tài chính; quyết định việc trích lập, sử dụng các quỹ và báo cáo quyết toán của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã;

b) Ban hành quy định quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ; quy định phân phối thu nhập và sử dụng các Quỹ; quy định cho vay, thu hồi nợ, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng và các quy định về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ theo Điều lệ này;

c) Quyết định việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng, gia hạn nợ, xử lý vi phạm hợp đồng đối với từng phương án theo đề nghị của Giám đốc quỹ;

d) Quyết định việc khoan nợ, gia hạn nợ của từng phương án vay, hỗ trợ theo đề nghị của Giám đốc quỹ; xử lý tồn tại, thiếu sót theo kiến nghị của Ban kiểm soát;

đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan điều hành nhiệm vụ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý;

e) Quyết định tiếp nhận các nguồn vốn, việc giải quyết các nguồn vốn theo từng dự án;

g) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét và quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành;

Ban hành quy định về chế độ trách nhiệm từng thành viên bộ máy quỹ, chế độ họp, chế độ báo cáo của Quỹ;

h) Trình Giám đốc Sở Tài chính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vốn điều lệ của Quỹ;

i) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

k) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xóa nợ hoặc báo cáo người đại diện bên cung ứng nguồn việc xóa nợ;

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng theo quy định tại Điều lệ này.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 3 trong 5 thành viên của Hội đồng tham dự. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, thì bên có phiếu của người chủ tọa cuộc họp quyết định.

Hội đồng quản lý họp thường kỳ 03 tháng 1 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý có thể triệu tập họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Trưởng ban kiểm soát hoặc Giám đốc Quỹ.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý được tính vào chi phí hoạt động của quỹ.

Điều 14. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Cán bộ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ tỉnh thông qua và triển khai tổ chức thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban được Trưởng ban ủy quyền tham dự và tham gia ý kiến các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 15. Ban Điều hành Quỹ

1. Ban điều hành Quỹ có 05 thành viên gồm: Giám đốc, Kế toán và 03 cán bộ Quỹ, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Khi quy mô hoạt động Quỹ phát triển thì bố trí Giám đốc, Kế toán và 01 cán bộ chuyên trách trên cơ sở tự cân đối thu chi.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Kế toán Quỹ và cán bộ làm việc trong bộ máy điều hành Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến của Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ và Quyết định của Hội đồng quản lý;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, tài trợ, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định để tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Hội đồng quản lý ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Quỹ theo quy định và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ, tham mưu cho Hội đồng quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ tại Điều 4, Điều 5 của Quy chế này;

- đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ;
- e) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ; sử dụng cộng tác viên;
- g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 16. Chế độ đối với cán bộ, nhân viên

1. Cán bộ, nhân viên của Quỹ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định. Mức cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.
2. Cán bộ, nhân viên chuyên trách (nếu có) được hưởng lương theo quy định của nhà nước.

Chương V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 17. Chế độ tài chính

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 18. Công tác kế toán, kiểm toán

1. Chế độ kế toán của Quỹ được vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.
2. Quỹ tự tổ chức kiểm toán, hoặc thuê kiểm toán độc lập.
3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ.

Điều 19. Trích lập quỹ

Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh được trích lập quỹ dự phòng rủi ro; trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Việc sử dụng các Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 20. Về tài sản và quản lý tài sản

Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy định về tài sản và quản lý tài sản Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum theo quy định hiện hành.

Điều 21. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo năm: Hằng năm Quỹ có trách nhiệm lập và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính):

a) Kế hoạch hằng năm, bao gồm: Vốn Điều lệ ngân sách tỉnh cấp, vốn thu hồi nợ vay, vốn huy động khác;

b) Kế hoạch sử dụng vốn, bao gồm: Kế hoạch cho vay, kế hoạch hỗ trợ, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi xuất và kế hoạch sử dụng vốn khác;

c) Kế hoạch thu, chi tài chính kèm theo thuyết minh chi tiết về các nội dung thu, chi;

d) Báo cáo quyết toán năm.

2. Báo cáo Quý, 6 tháng: Định kỳ quý và 6 tháng, Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính Sở Tài chính.

Báo cáo Tài chính 6 tháng được gửi chậm nhất vào ngày 31/7 của năm.

Báo cáo quyết toán năm do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và gửi Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 31/3 năm sau.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ này. Ngoài những nội dung không ghi trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về chủ trương, chính sách, hoặc có điểm vướng mắc thì Hội đồng quản lý Quỹ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa